

Số: 05/QĐ-VP

Bắc Thanh Miện, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2025 của đơn vị dự toán Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Bắc Thanh Miện**

**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ BẮC THANH MIỆN**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND xã Bắc Thanh Miện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;*

*Căn cứ vào dự toán bổ sung kinh phí quý 3 năm 2025 của đơn vị dự toán;*

*Xét đề nghị của Kế toán Trung tâm phục vụ hành chính công xã,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý 3 năm 2025 của đơn vị dự toán Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Bắc Thanh Miện

*(Chi tiết theo biểu kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trung tâm phục vụ Hành chính công, Kế toán Trung tâm xã Bắc Thanh Miện tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TTHĐND-LĐUBND xã;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Bùi Văn Bền**





Biên số 3 Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm phục vụ HCC xã  
Chương: 833

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Bắc Thanh Miện, ngày 02 tháng 10 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH**  
**Quý III năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trung tâm phục vụ HCC xã Bắc Thanh Miện công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý 3 năm 2025 như sau:

*DVT: đồng*

| STT | Nội dung                                    | Dự toán năm +<br>bổ sung | Ước thực hiện<br>quý 3 năm<br>2025 | Ước thực<br>hiện/Dự toán<br>năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý<br>(6 tháng, năm) này<br>so với cùng kỳ năm<br>trước (tỷ lệ %) |
|-----|---------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                           | 3                        | 4                                  | 5                                         | 6                                                                                |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| I   | Số thu phí, lệ phí                          |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 1   | Lệ phí                                      |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 2   | Phí                                         |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| II  | Chi từ nguồn thu phí được để lại            |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 1   | Chi sự nghiệp                               |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 2   | Chi quản lý hành chính                      |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 1   | Lệ phí                                      |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 2   | Phí                                         |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 676.000.000              | 302.016.066                        | 44,68                                     |                                                                                  |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                  | 676.000.000              | 302.016.066                        | 44,68                                     |                                                                                  |
| 1   | Chi quản lý hành chính                      | 676.000.000              | 302.016.066                        | 44,68                                     |                                                                                  |
|     | Văn phòng HĐND- UBND xã                     | 676.000.000              | 302.016.066                        | 44,68                                     |                                                                                  |
|     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      | 676.000.000              | 302.016.066                        | 44,68                                     |                                                                                  |
| II  | Nguồn vốn viện trợ                          |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 1   | Chi quản lý hành chính                      |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 1.1 | Dự án A                                     |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 1.2 | Dự án B                                     |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ         |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 2.1 | Dự án A                                     |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 2.2 | Dự án B                                     |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề |                          |                                    |                                           |                                                                                  |
| 3.1 | Dự án A                                     |                          |                                    |                                           |                                                                                  |



|      |                                                         |  |  |  |  |
|------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 3.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 4    | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 5    | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 6    | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| III  | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |  |  |  |
| 1    | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 2    | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 3    | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 4    | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 5    | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 6    | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |